

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2017/DS-ST
Ngày: 18-7-2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cư

2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2017/TLST- DS ngày 28/3/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-DS ngày 30/5/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-DS ngày 27/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B

Địa chỉ: Số 1 đường L, Phường K, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Nhật N - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (vắng mặt)

Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Bà Lê Thị L - Chuyên viên Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

(Giấy ủy quyền ngày 16/12/2016).

Bị đơn: Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ rau an toàn T.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đồng Viết C.

Địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đồng Viết C, sinh năm 1948 (có mặt) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bà Đồng Thị N, sinh năm 1961 (vắng mặt) và ông Vũ Đức T, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Lô A Chung cư B, phường P, Quận O, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Vũ Đức T ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Đồng Thị N theo Giấy

ủy quyền ngày 30/5/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/6/2013, Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B (sau đây gọi tắt là “*Quỹ hỗ trợ tỉnh B*”) và Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ Rau an toàn T (sau đây gọi tắt là “*HTX T*”) ký 02 hợp đồng trợ vốn gồm: Hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV và Hợp đồng hỗ trợ vốn số 10A/HĐTV.

Nội dung các hợp đồng là hỗ trợ dịch vụ có hoàn lại vốn gốc. Mục đích xin hỗ trợ vốn: Làm vốn lưu động và làm dịch vụ rau an toàn; Phí trợ vốn trong hạn: 0,6%/tháng; Phí trợ vốn quá hạn: 150% phí trong hạn; Thời hạn trợ vốn là 12 tháng từ 28/6/2013 đến 28/6/2014. Ngày hoàn vốn cuối cùng là ngày 28/6/2014.

Hình thức trợ vốn đối với Hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV: Thế chấp tài sản. Ngày 01/7/2013, Quỹ hỗ trợ tỉnh B, bà Đồng Thị N, ông Vũ Đức T và HTX T đã ký Hợp đồng thế chấp số 03. Nội dung hợp đồng là thế chấp thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.635m² tọa lạc tại xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 641398 do UBND huyện T cấp ngày 30/12/2005) để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của HTX T đối với mức dư nợ (vốn hỗ trợ) cao nhất là 500.000.000 đồng.

Hình thức trợ vốn đối với Hợp đồng trợ vốn số 10A/HĐTV: Tín chấp.

Ngày 10/6/2013, Quỹ hỗ trợ tỉnh B đã giao cho HTX T số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 28/6/2013, Quỹ hỗ trợ tỉnh B tiếp tục giao cho HTX T số tiền 500.000.000 đồng. Tổng số tiền đã giao là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) cho người trực tiếp nhận vốn là ông Đồng Viết C. Sau khi giao toàn bộ số vốn vay trên, Quỹ hỗ trợ tỉnh B đã tiến hành kiểm tra việc sử dụng vốn vay thì phát hiện ông Đồng Viết C đã không sử dụng vốn vay theo đúng cam kết mà dùng vào việc riêng của gia đình.

Cho đến nay, HTX T đã trả cho Quỹ hỗ trợ tỉnh B tiền phí hỗ trợ của 12 tháng từ 28/6/2013 đến 28/6/2014 số tiền là: 47.450.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tính từ ngày 06/7/2014 đến ngày 18/7/2017, HTX T còn nợ số tiền như sau:

Đối với hợp đồng 08/HĐTV ngày 28/6/2013: 663.800.000 đồng, trong đó: Vốn gốc là: 500.000.000 đồng và phí trợ vốn quá hạn là 163.800.000 đồng.

Đối với hợp đồng 10A ngày 28/6/2013: 199.140.000 đồng, trong đó: Vốn gốc là: 150.000.000 đồng và phí trợ vốn quá hạn là 49.140.000 đồng.

Nay Quỹ hỗ trợ tỉnh B khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã T phải trả tiền vốn gốc và tiền phí trợ vốn quá hạn của 02 hợp đồng là 862.940.000 đồng (*tám trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Trường hợp HTX T không thanh toán được nợ gốc và tiền phí trợ vốn thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp (theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 01/7/2013) là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.635m² tọa lạc tại xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 641398 do UBND huyện T cấp ngày 30/12/2005 để thu hồi nợ.

Tại các bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

HTX T có ký 02 hợp đồng trợ vốn gồm: Hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV và Hợp đồng hỗ trợ vốn số 10A/HĐTV với Quỹ hỗ trợ tỉnh B để vay số tiền là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) với các điều kiện vay và việc trả tiền phí trợ vốn 47.450.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) như phía nguyên đơn đã trình bày là đúng.

Số tiền vốn gốc còn lại của 02 hợp đồng là 650.000.000 đồng và phí trợ vốn từ ngày 28/6/2014 đến nay thì HTX T chưa thanh toán được do không có khả năng kinh doanh tạo thu nhập. Nay HTX T đề nghị nguyên đơn cho miễn tiền phí trợ vốn và gia hạn thời gian trả vốn gốc.

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đồng Viết C và bà Nguyễn Thị N (do ông Chính làm đại diện ủy quyền) trình bày:

Vợ chồng ông C và bà Nguyễn Thị N xác nhận có sử dụng số tiền 650.000.000 đồng từ việc ông C đại diện cho HTX T vay của Quỹ hỗ trợ tỉnh B theo 02 hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV và số 10A/HĐTV vào việc xây dựng căn nhà đang ở và một phần trả cho bà Nguyễn Thị N. Nay vợ chồng ông C, bà N đồng ý trả nợ và xin miễn tiền phí trợ vốn và gia hạn thời gian trả vốn gốc.

Tại biên bản lấy lời khai, các biên bản hòa giải bà Đồng Thị N và ông Vũ Đức T (do bà Đồng Thị N làm đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Bà Đồng Thị N có ký Hợp đồng thế chấp ký ngày 01/7/2013 để bảo lãnh khoản vay 500.000.000 đồng cho HTX T tại hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV ngày 28/6/2013. Bà Nguyên nhất trí nếu HTX T không trả được nợ thì bà N đồng ý phát mãi tài sản là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.635m² tọa lạc tại xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 641398 do UBND huyện T cấp ngày 30/12/2005 để trả nợ theo nội dung Hợp đồng thế chấp đã ký.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là HTX T phải hoàn trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không trả được số tiền vốn gốc và phí trợ vốn theo Hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV ngày 28/6/2013 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Các hợp đồng trợ vốn được ký kết giữa Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B và HTX Nông nghiệp Dịch vụ Rau an toàn T với mục đích hỗ trợ vốn phát triển sản xuất kinh doanh hợp tác xã nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định 4328/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc thành lập Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B quy định nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ tỉnh B là không hoạt động kinh doanh, không vì mục tiêu lợi nhuận, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn là HTX T có địa chỉ tại huyện T nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Bà Đồng Thị N, ông T, bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt đồng thời có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Do HTX Thành A không thanh toán nợ gốc và phí trợ vốn cho Quỹ hỗ trợ tỉnh B theo cam kết tại các hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV và số 10A/HĐTV nên dẫn đến việc tranh chấp giữa các bên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Quỹ hỗ trợ tỉnh B và Hợp tác xã T đều xác nhận vào ngày 28/6/2013 có ký hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV cho vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và hợp đồng số 10A/HĐTV cho vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên đã giao nhận đầy đủ số tiền trợ vốn là 650.000.000 đồng theo Giấy nhận vốn ngày 10/6/2013 và Phiếu chi ngày 28/6/2013. HTX T đã trả tiền phí trợ vốn từ ngày 28/6/2013 đến 28/6/2014 là 47.450.000đ theo xác nhận tại sổ phụ ngày 02/7/2017 và chứng từ giao dịch ngày 15/8/2013 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Vũng Tàu.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV ký ngày 28/6/2013 là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 3635m² tọa lạc tại xã C, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 641398 do UBND huyện T cấp ngày 30/12/2005, sang tên cho

bà Đồng Thị N ngày 02/6/2009. Việc thế chấp tài sản được thể hiện qua hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03 ngày 01/7/2013 giữa Quỹ hỗ trợ tỉnh B và Hợp tác xã T, bà Đồng Thị N và ông Vũ Đức T tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, số công chứng: 2037 quyền số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đối với hợp đồng trợ vốn số 10A/HĐTV ký ngày 28/6/2013 thì không có tài sản đảm bảo, nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

Quá trình làm việc tại Tòa án đại diện HTX T thừa nhận việc ký kết hợp đồng trợ vốn và đã nhận đầy đủ vốn gốc theo 02 hợp đồng là 650.000.00 đồng và đã trả phí trợ vốn từ ngày 28/6/2013 đến 28/6/2014 là 47.450.000 đồng phù hợp với các chứng cứ do Quỹ hỗ trợ tỉnh B cung cấp.

Từ sau ngày 28/6/2014 (ngày hoàn vốn theo hợp đồng) đến ngày xét xử (18/7/2017), HTX T không trả tiền vốn gốc nên đã vi phạm Điều 3 của hợp đồng trợ vốn mà hai bên đã ký kết. Vì vậy Quỹ hỗ trợ tỉnh B khởi kiện yêu cầu HTX T phải trả tiền vốn gốc 650.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu tính phí trợ vốn quá hạn theo 02 hợp đồng thì thấy:

Ngày 10/6/2013 và ngày 28/6/2013, ông C là đại diện HTX T đã nhận đủ số tiền vay là 650.000.000 đồng. HTX T đã trả được tiền phí trợ vốn 12 tháng, kể từ ngày 28/6/2013 đến hết ngày 28/6/2014 với số tiền là 47.450.000 đồng. Ngày đến hạn hoàn trả tiền vốn vay là ngày 28/6/2014 nhưng HTX T không trả tiền gốc và phí trợ vốn. Vì vậy, cần buộc HTX T phải chịu số tiền phí trợ vốn quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 2 của 02 hợp đồng, thời gian tính phí trợ vốn quá hạn được tính từ ngày 06/7/2014 (theo thỏa thuận tại Điều 4 của 02 hợp đồng) đến ngày xét xử (18/7/2017) với cách tính như sau:

Đối với Hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV ngày 28/6/2013: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,6\%/\text{tháng} \times 150\%/\text{tháng} \times 36 \text{ tháng} \times 12 \text{ ngày} = 163.800.000 \text{ đồng}$ (một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Đối với Hợp đồng trợ vốn số 10A ngày 28/6/2013: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,6\%/\text{tháng} \times 150\%/\text{tháng} \times 36 \text{ tháng} \times 12 \text{ ngày} = 149.140.000 \text{ đồng}$ (một trăm bốn mươi chín triệu một trăm bốn ngàn đồng).

Tổng cộng HTX T còn nợ số tiền vốn gốc và phí trợ vốn quá hạn đối với Hợp đồng trợ vốn số 10A là: $150.000.000 \text{ đồng} + 49.140.000 \text{ đồng} = 199.140.000 \text{ đồng}$ (một trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng) và nợ Hợp đồng trợ vốn số 08 là: $500.000.000 \text{ đồng} + 163.800.000 \text{ đồng} = 663.800.000 \text{ đồng}$ (sáu trăm sáu mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, ông C thừa nhận sau khi nhận được số tiền 650.000.000 đồng từ Quỹ hỗ trợ tỉnh B thì ông C và vợ là bà Nguyễn Thị N đã sử dụng số tiền này để trả nợ tiền xây nhà đang ở và giải chấp ngân hàng mà không làm vốn lưu động và làm rau an toàn, xét thấy việc sử dụng vốn của HTX T không đúng mục đích vi phạm điều 1 của hợp

đồng. Vì vậy cần buộc ông Đồng Viết C và bà Nguyễn Thị N cùng HTX T liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ gốc và phí trợ vốn (lãi) cho nguyên đơn.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cần buộc HTX T, ông C và vợ là bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ hỗ trợ tỉnh B tổng số tiền vốn gốc và phí trợ vốn quá hạn theo 02 hợp đồng là: 650.000.000 đồng + 163.800.000 đồng + 49.140.000 đồng = 862.940.000 đồng (*tám trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng*). Trường hợp không thanh toán được nợ thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho khoản nợ vay.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên HTX T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền này Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B đã tạm ứng, vì vậy HTX T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên HTX T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (62.940.000 đồng x 3%) = 37.888.200 đồng (*ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tám ngàn hai trăm đồng*), hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Quỹ hỗ trợ tỉnh B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ rau an toàn T.

Buộc Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ rau an toàn T, ông Đồng Viết C và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B số tiền vốn gốc và phí trợ vốn quá hạn tổng cộng là 862.940.000đ (*Tám trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng*), trong đó:

- Hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV ngày 28/6/2013 là: 500.000.000 đồng + 163.800.000 đồng = 663.800.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng*) và tiếp tục phải trả tiền phí trợ vốn quá hạn phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng trợ vốn số 08/HĐTV ngày 28/6/2013 kể từ ngày 19/7/2017 đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ rau an toàn T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ trên thì Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.635m² (trong đó có 200m² đất ở tại nông thôn và 3.455m² đất HNK) tọa lạc tại xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 641398 do UBND huyện T cấp ngày 30/12/2005 và cùng toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 17/5/2017).

- Hợp đồng trợ vốn số 10A/HĐTV ngày 28/6/2013: 150.000.000 đồng + 49.140.000 đồng = 199.140.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng*) và tiếp tục phải trả tiền phí trợ vốn quá hạn phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng trợ vốn số 10A ngày 28/6/2013 kể từ ngày 19/7/2017 đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ rau an toàn T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ rau an toàn T phải nộp 37.888.200 đồng (*Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tám ngàn hai trăm đồng*).

Hoàn trả lại 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí cho Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh B theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003824 ngày 17/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Xuân Hưng

